

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2023/HS-PT
Ngày: 29-9-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Lộc.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Ngọc Thạch;
Ông Lê Quân Vương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 94/2023/TLPT-HS ngày 01 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo Thái Bảo T và các bị cáo. Do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2023/HS-ST ngày 10/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Thái Bảo T, sinh năm 1973, tại tỉnh An Giang; nơi thường trú: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang; nơi tạm trú: số C, khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Hòa Hảo; giới tính: Nam; con ông Thái Văn Đ và bà Lê Thị L; bị cáo có vợ (đã chết) và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. Tổng Duy K, sinh năm 1987, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi thường trú: tổ dân phố C' L, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; nơi tạm trú: số C, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; con ông Tổng Văn M, và bà Nguyễn Thị H; tiền sự: không; tiền án: tại Bản án hình sự số 231/2019/HS-ST ngày 01/10/2019 của Tòa án nhân thành phố D, tỉnh Bình Dương xử phạt 40.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”, bị cáo đóng tiền phạt, án phí ngày 04/4/2023; bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. Tiêu Nguyễn Duy T1, sinh năm 1987, tại tỉnh Bình Dương; nơi thường trú: số A, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: bảo vệ; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; con ông Tiêu Vĩnh Đ1 và bà Nguyễn Thị B; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- Bị cáo bị kháng nghị:

1. Trần Thanh P, sinh năm 1987, tại tỉnh Bình Dương; nơi thường trú: số G, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: thợ sắt; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; con ông Trần Văn T2 và bà Lê Thị L1; bị cáo có vợ và có 03 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. Trần Trung T3, sinh năm 1987, tại tỉnh Bình Dương; nơi thường trú: số C, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; con ông Trần Văn X và bà Chu Thị N; bị cáo có vợ, chưa có con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. Châu Minh T4, sinh năm 1997, tại tỉnh Tiền Giang; nơi thường trú: ấp F, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nơi tạm trú: khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; con ông Châu Thành N1 và bà Trần Thị Cẩm L2; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

4. Võ Hùng S, sinh năm 1980, tại tỉnh Bình Dương; nơi thường trú: số A, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: thợ hàn; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; con ông Võ Văn B1 (đã chết) và bà Dương Thị L3; bị cáo có vợ và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

5. Võ Hải Đ2, sinh năm 1985, tại tỉnh Bình Dương; nơi thường trú: số A, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; con ông Võ Văn B1 (đã chết) và bà Dương Thị L3; bị cáo có vợ và có 01 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 05 bị cáo và 06 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án do không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 21/3/2020, giữa Thái Bảo T và Lê Ngọc H1 xảy ra mâu thuẫn do tranh giành chỗ bán nên thách thức đánh nhau. Thái Bảo T gọi điện thoại cho T5 Nguyễn Duy T1 để nhờ trợ giúp. Lúc này T1 đang ngồi nhậu với Trần Thanh P, Trần Trung T3, Châu Minh T4, Tống Duy K, Võ Hải Đ2 và Võ Hồng S1 nên kể cho mọi người nghe sự việc. T1 điều khiển xe mô tô Wave (không rõ biển số) chở T4 chạy ra trước, trên đường đi T1 ghé vào chốt gác bảo vệ của mình lấy 01 cây roi điện mang theo. Khi đến cổng khu công nghiệp T, thấy T và H1 nên T1 và T4 đi lại cự cãi, thách thức nói H1 kêu thêm người đến đánh nhau.

H1 bỏ đi và điện thoại cho bạn là Hoàng Chí B2, nhờ B2 đến khu công nghiệp T B đánh nhóm của Thái Bảo T. Lúc này B2 đang ngồi uống cà phê với Nguyễn Văn Đ3, Huỳnh Tấn K1, Nguyễn Duy M1 và T6 (chưa rõ nhân thân) nên rủ cả nhóm đi đánh nhau giúp bạn của B2. Khi đi, trên xe ô tô loại Hyundai i10 màu trắng biển số 36A - 332.xx của B2 có các hung khí gồm: tuýp sắt, dao tự chế, gậy bóng chày để ở sàn xe hàng ghế sau. B2 điều khiển xe chở Nguyễn Văn Đ3, Huỳnh Tấn K1, Nguyễn Duy M1 và T6 đi đến cổng khu công nghiệp T B để gặp H1.

Do không thấy T1 và T4 về nên K điều khiển xe mô tô chở P, Đ2 điều khiển xe mô tô chở S1, Tín điều khiển xe mô tô đi một mình đến cổng khu công nghiệp T B tìm T, T1 và T4. Khi đến trước công ty rượu trong khu công nghiệp T B thì K và P thấy T1, T4 và T nên nhập vào nhóm rồi điều khiển xe mô tô chạy vào khu dân cư Đ để tìm H1 nhưng không thấy nên chạy vòng ra cây xăng 68 gần cổng khu công nghiệp T B thì thấy Lê Ngọc H1 đang điều khiển xe mô tô biển số 49K1 - 068.xx. K điều khiển xe mô tô chở P chạy đến chặn trước đầu xe của H1, Đ2 điều khiển xe mô tô chở S1 chạy tới chặn phía sau, T1 chở T4, T điều khiển xe chạy một mình tới chặn trước đầu xe của H1, cả nhóm vây quanh H1. Trong nhóm có người hô “đúng nó rồi” thì T4 dùng tay đánh vào mặt H1, S1 dùng mũ bảo hiểm đánh. Lúc này Hoàng Chí B2 điều khiển xe ô tô đến thấy nhóm của T đang vây đánh H1 nên điều khiển xe ô tô đi lên rồi vòng lại về bên phải dừng cách chỗ H1 khoảng 05m. Sau khi dừng xe thì M1 cầm 01 tuýp kim loại dẹt màu trắng dài khoảng 50cm và 01 dao tự chế dài khoảng 40cm, K1 cầm 01 dao tự chế dài khoảng 50 cm, Đ3 cầm 01 tuýp kim loại màu trắng dài khoảng 50 cm và T6 cầm 01 gậy bóng chày, xuống xe chạy tới đánh chém vào nhóm của T. Lúc này bên nhóm của T thì Đ2 cầm nón bảo hiểm, K chạy đi lấy cây chèo dàn giáo bằng kim loại bên nhà dân gần đó, T1 dùng roi điện và nhặt gạch đá ở đường để đánh nhau với nhóm của H1; S1 và P đứng vây quanh H1 thì bị nhóm của H1 chém gây thương tích, T3 cũng dùng chân đạp 01 chiếc xe máy thì bị chém vào chân, còn T đứng gần chỗ H1, hai bên rượt đuổi đánh nhau, sau đó nhóm của H1 lên xe ô tô để B2 điều khiển chở tẩu thoát về hướng chợ D, thành phố T. Riêng Lê Ngọc H1 bị thương nhẹ ở đầu, bỏ xe mô tô lại hiện trường, chạy bộ về hướng đường M - T Sau đó, H1 gọi điện thoại cho Hoàng Chí B2

thuê taxi màu vàng chở về nhà chữa trị vết thương. Toàn bộ số hung khí mà các bị cáo sử dụng trong vụ án, sau khi gây án xong, trên đường tàu thoát đã vứt bỏ nên không thu hồi được.

Quá trình điều tra xác định hành vi cụ thể của các bị cáo như sau:

- Lê Ngọc H1 là người trực tiếp mâu thuẫn với Thái Bảo T, là người trực tiếp gọi điện thoại rủ Hoàng Chí B2 nhờ đến đánh nhóm của T. Đến hiện trường trực tiếp cầm khúc gỗ dài khoảng 50cm đánh nhóm bị hại, không rõ trúng vào ai và thương tích như thế nào.

- Hoàng Chí B2 là người được H1 gọi điện thoại rủ đi đánh nhau, B2 rủ thêm Nguyễn Văn Đ3, Huỳnh Tấn K1, Nguyễn Duy M1, tên T6 (không rõ nhân thân) đi đánh nhau giúp H1. B2 điều khiển xe ô tô loại Hyundai i10 màu trắng biển số 36A - 332.xx chở đồng phạm đi đánh nhau và chở tàu thoát.

- Huỳnh Tấn K1 được B2 rủ đi đánh nhau giúp H1, ngồi hàng ghế sau bên phải xe ô tô. Đến hiện trường trực tiếp cầm dao tự chế chém trúng vào đùi 01 người bên nhóm của T gây thương tích.

- Nguyễn Văn Đ3 được B2 rủ đi đánh nhau giúp H1, ngồi hàng ghế sau bên trái xe ô tô. Đến hiện trường trực tiếp cầm tuýp sắt đánh nhóm của T, không rõ trúng vào ai và thương tích như thế nào.

- Nguyễn Duy M1 được B2 rủ đi đánh nhau giúp H1, ngồi ghế trước bên phụ xe ô tô. Đến hiện trường, hai tay cầm hung khí, tay phải cầm dao tự chế, tay trái cầm tuýp sắt, dùng dao chém trúng vào cánh tay phải 01 người bên nhóm của T gây thương tích.

- Thái Bảo T là người có mâu thuẫn với Lê Ngọc H1, trực tiếp gọi điện thoại cho T5 Nguyễn Duy T1 để nhờ T1 hỗ trợ giải quyết mâu thuẫn, T1 kể lại cho nhóm của T1 biết, trong lúc đánh nhau, Đ2 và S1 cầm nón bảo hiểm, K cầm cây chèo giàn giáo bằng kim loại, T1 dùng roi điện mang theo trước đó và nhặt gạch đá để đánh lại với nhóm của H1; khi S1, P, Đ2 đang đứng vây quanh H1 thì bị nhóm của H1 chém gây thương tích, T3 dùng chân đạp 01 chiếc xe máy thì bị chém vào chân, còn T đứng gần chỗ H1.

* Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0458/TgT/2021 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh Đồng Nai ngày 04/6/2021, kết luận thương tích của bị hại Trần Thanh P như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Tổn thương vỡ lún xoang hàm trái. Tỷ lệ 11%.

- Tổn thương gãy xương chính mũi không ảnh hưởng chức năng thở. Tỷ lệ 09%.

- Sẹo từ gốc mũi và phía trong mắt phải xuống má trái kích thước 15x0,3cm. Tỷ lệ 06%.

- Sẹo đùi phải kích thước 16x1,2cm. Tỷ lệ 03%.

- Sẹo mặt ngoài gối trái (đùi trái) kích thước 07x01 (cm). Tỷ lệ 03%.

2. Kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Trần Thanh P là 28%.

3. Kết luận khác: Vật gây thương tích: Vật sắc.

* Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 79/2022/GDPY của Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh Bình Dương ngày 27/01/2022, kết luận thương tích của bị hại Trần Trung T3 như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương mặt trước 1/3 trên cẳng chân phải 17,5 x 0,6 (cm), gãy 1/3 trên xương chày phải, đã phẫu thuật kết hợp xương, sẹo lành.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 18%.

3. Kết luận khác: Cơ chế hình thành thương tích:

- Vết thương mặt trước 1/3 trên cẳng chân phải, gãy 1/3 trên xương chày phải: Chiều nằm ngang từ phải sang trái, hướng từ trước ra sau, bờ sắc gọn, khả năng do vật sắc gây ra.

* Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 96/2022/GDPY của Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh Bình Dương ngày 28/01/2022, kết luận thương tích của bị hại Võ Hùng S như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương đầu vùng đỉnh trái 3,5 x 0,5 (cm), sẹo lành.

- Vết thương mặt ngoài 1/3 giữa đùi phải 12 x 0,6 (cm), mẻ xương đùi phải đã cal, đứt cơ rộng ngoài, cơ rộng giữa, đã khâu nối cơ, sẹo lành.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 13%.

3. Kết luận khác: Cơ chế hình thành thương tích:

- Vết thương đầu vùng đỉnh trái: Chiều từ trên xuống, hướng từ trái sang phải, bờ không rõ, khả năng do vật tày gây ra.

- Vết thương mặt ngoài 1/3 giữa đùi phải, mẻ xương đùi phải, đứt cơ rộng ngoài, cơ rộng giữa: Chiều từ trên xuống, chệch từ sau ra trước, bờ sắc gọn, khả năng do vật sắc gây ra.

* Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 90/2022/GDPY của Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh Bình Dương ngày 27/01/2022, kết luận thương tích của bị hại Võ Hải Đ2 như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương đầu vùng thái dương-trán trái (vùng có tóc che) 4,5 x 0,2 (cm), sẹo lành.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 01%.

3. Kết luận khác: Cơ chế hình thành thương tích:

- Vết thương đầu vùng thái dương - trán trái: Chiều từ trước ra sau, hướng từ trên xuống, bờ sắc gọn, khả năng do vật sắc gây ra.

* Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 218/2022/GĐPY của Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh Bình Dương ngày 30/3/2022, kết luận thương tích của bị hại Lê Ngọc H1 như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương đầu vùng thái dương - chẩm phải 6,5 x 0,3 (cm), sọc lành.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 02%.

3. Kết luận khác: Cơ chế hình thành thương tích:

- Vết thương đầu vùng thái dương - chẩm phải: Chiều từ trên xuống, hướng từ phải qua trái, bờ tương đối gọn, khả năng do vật tày có cạnh hoặc vật có cạnh sắc gây ra.

Đối với Lê Ngọc H1 bị thương tích 02%, Lê Ngọc H1 đã làm đơn không yêu cầu xử lý hình sự, đối với những người gây thương tích cho mình, không yêu cầu bồi thường nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D không xử lý.

Quá trình điều tra, các bị cáo, bị hại, không có ý kiến hay khiếu nại gì về các kết luận giám định kể trên.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) xe mô tô hiệu SYM, số loại Elegant II, màu đen bạc, biển số 49K1 - 068.xx, số khung SC10KHBH086261, số máy VMSACB-H086261 của bị cáo Lê Ngọc H1; 02 (hai) cây chèo dàn giáo bằng kim loại.

Các hung khí khác các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, đã vứt bỏ không thu hồi được.

Đối với xe ô tô hiệu Hyundai I10, màu trắng, số khung WIDAJN019945, số máy G4LAJM889599, biển số 36A - 332.xx (sử dụng năm 2018) của bị cáo Hoàng Chí B2 sử dụng vào việc phạm tội, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã bán cho người khác nên không thu hồi được. Căn cứ vào kết luận định giá thì xe ô tô trị giá 250.000.000 đồng, đây là tài sản chung của bị cáo B2 với vợ là Nguyễn Thị L4.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Thanh P yêu cầu bồi thường số tiền 20.000.000 đồng, bị hại Trần Trung T3 yêu cầu bồi thường 30.000.000 đồng, bị hại Võ Hùng S yêu cầu bồi thường 20.000.000 đồng. Các bị cáo Lê Ngọc H1, Hoàng Chí B2, Nguyễn Văn Đ3, Huỳnh Tấn K1, Nguyễn Duy M1 cùng gia đình đã góp mỗi người 14.000.000 đồng bồi thường cho các bị hại và không còn yêu cầu gì khác.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2023/HS-ST ngày 10/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Thái Bảo T, Tiêu Nguyễn Duy T1, Châu Minh T4, Tống Duy K, Trần Thanh P, Trần Trung T3, Võ Hải Đ2 và Võ Hùng S phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Thái Bảo T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Tiêu Nguyễn Duy T7 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Tống Duy K 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 58 Bộ luật Hình sự; điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Võ Hải Đ2 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án.

+ Xử phạt bị cáo Võ Hùng S 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 58 Bộ luật Hình sự; điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

+ Xử phạt bị cáo Trần Thanh P 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án.

+ Xử phạt bị cáo Trần Trung T3 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án.

+ Xử phạt bị cáo Châu Minh T4 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt các bị cáo Lê Ngọc H1 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; xử phạt bị cáo Hoàng Chí B2 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ3 05 (năm) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 03 (ba) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; xử phạt bị cáo Huỳnh Tấn K1 05 (năm) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 03 (ba) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; xử phạt bị cáo Nguyễn Duy M1 05 (năm) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 03 (ba) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 11/4/2023, bị cáo Thái Bảo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo;

- Ngày 12/4/2023, bị cáo Tống Duy K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo;

- Ngày 21/4/2023, bị cáo Tiêu Nguyễn Duy T7 kháng cáo xin được hưởng án treo.

- Ngày 25/4/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương có Quyết định Kháng nghị phúc thẩm đề nghị xét xử các bị cáo Trần Thanh P, Trần Trung T3, Nguyễn Minh T8 về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự và tăng hình phạt đối với các bị cáo P, T3, T8; đề nghị không cho hưởng án treo đối với các bị cáo Trần Thanh P, Trần Trung T3, Nguyễn Minh T8, Võ Hải Đ2, Võ Hùng S.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến:

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Thái Bảo T, Tống Duy K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, hưởng án treo; bị cáo Nguyễn Duy T7 kháng cáo xin hưởng án treo; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương kháng nghị đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng xử phạt các bị cáo Trần Thanh P, Trần Trung T3, Châu Minh T4 về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự và tăng hình phạt đối với các bị cáo P, T3, T4; không cho bị cáo P, T3, T4, S và Đ2 hưởng án treo. Bị cáo K cung cấp thêm tài liệu có cha là thương binh hạng thương tật $\frac{3}{4}$ được tặng Huân chương chiến công hạng I; xét kháng cáo của các bị cáo T, K, T7: xuất phát từ mâu thuẫn giữa bị cáo T với bị cáo H1 nên bị cáo T nhờ đồng phạm hỗ trợ giải quyết mâu thuẫn, được tất cả đồng ý; với vai trò tích cực, bị cáo T7 (sử dụng roi điện, gạch đá để chống trả), bị cáo K (sử dụng cây chèo bằng sắt để chống trả), bị cáo K có 01 tiền án, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo T, T7, K theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự với mức hình phạt tù từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù gần đầu khung hình phạt là phù hợp, không nặng. Do đó, không có cơ sở xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T, T7, K; các bị cáo P, T4, T3 cùng đồng phạm vây quanh đánh bị cáo H1 bằng tay, mũ bảo hiểm thì nhóm đồng phạm của bị cáo H1 mới đến dùng tuýp sắt, dao tự chế, gây bóng chày đánh lại nhóm của bị cáo T; các bị cáo P, T4, T3 cùng các đồng phạm trong nhóm tiếp tục dùng roi điện, gạch, đá, cây gỗ, cây chèo dầm giáo bằng kim loại đánh lại, điều này thể hiện các bị cáo đã tiếp nhận ý chí của đồng phạm, sử dụng công cụ, hung khí nguy hiểm đánh nhóm bị cáo H1. Do đó, các bị cáo P, T4, T3 là đồng phạm và phải bị xét xử theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự; do đó, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đề nghị xét xử các bị cáo theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự và tăng hình phạt đối với bị cáo P, T4, T3 là có cơ sở xem xét chấp nhận; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận quyết định kháng nghị và xét

xử các bị cáo P, T4, T3 theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự và xử phạt mỗi bị cáo mức án 02 năm tù.

Các bị cáo S, Đ2, P, T4, T3: chỉ vì mâu thuẫn trong việc sinh hoạt mà 02 nhóm giải quyết mâu thuẫn bằng nhiều hung khí nguy hiểm tại nơi công cộng có nhiều người dân sinh sống thể hiện sự xem thường pháp luật, nên cần phải cách ly các bị cáo S, Đ2, P, T4, T3 ra khỏi xã hội một thời gian, để răn đe giáo dục, đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm; đề nghị không cho các bị cáo P, T4, T3, Đ2, S hưởng án treo.

Đối với bị cáo Tiêu Nguyễn Duy T7: tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp các giấy tờ về thành tích và quá trình tham gia, sinh hoạt của bản thân trong đó có Thẻ Đảng viên; bị cáo trình bày từ khi vụ việc xảy ra cho đến khi xét xử sơ thẩm, bị cáo chưa bị xử lý về mặt Đảng, xét thấy cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về trình tự, thủ tục, xử lý về mặt Đảng khi Đảng viên có dấu hiệu vi phạm nên đề nghị hủy một phần bản án đối với Tiêu Nguyễn Duy T7.

Các bị cáo không tham gia tranh luận gì thêm.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo, Quyết định Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương, được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Căn cứ vào lời khai của các bị cáo và các chứng cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở để xác định: Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 21/3/2020, tại đoạn đường trước cổng khu công nghiệp T B, thuộc khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Các bị cáo Lê Ngọc H1, Hoàng Chí B2, Nguyễn Văn Đ3, Huỳnh Tấn K1, Nguyễn Duy M1 có hành vi dùng hung khí là dao tự chế, tuýp sắt, cây gỗ gây thương tích cho Trần Thanh P với tỷ lệ 28%, Trần Trung T3 với tỷ lệ 18%, Võ Hùng S với tỷ lệ 13%, Võ Hải Đ2 với tỷ lệ 01%. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Quá trình điều tra xác định Thái Bảo T là người trực tiếp mâu thuẫn với Lê Ngọc H1, T điện thoại cho Tiêu Nguyễn Duy T7, nhờ T7 hỗ trợ giải quyết mâu thuẫn, T7 kể lại cho cho cả nhóm của T7 biết và sau đó đi giúp T, trong lúc đánh nhau, Đ2 cầm nón bảo hiểm, K cầm cây chèo dàn giáo bằng kim loại, T7 dùng roi điện và gạch đá, S dùng nón bảo hiểm, gạch đá để đánh nhau với nhóm của H1; các bị cáo T, P và T4 đang đứng vây quanh H1 thì bị

nhóm của H1 chém gây thương tích cho P và T4; bị cáo T3 cũng lao vào dùng chân đạp chiếc xe máy thì bị chém vào chân. Các bị cáo tuy không chuẩn bị hung khí, không mang theo hung khí để đi đánh nhau, nhưng tại hiện trường khi đánh nhau các bị cáo sử dụng nón bảo hiểm, cây chèo dàn giáo bằng kim loại, gạch đá ... để đũa đánh nhau ở nơi công cộng; các bị cáo P, T4 và T3 trong quá trình đánh nhau, tuy không sử dụng hung khí nhưng các bị cáo có ý thức và mục đích ban đầu là đi phụ giúp bị cáo T đánh nhau với nhóm của Lê Ngọc H1, các bị cáo có mặt tại hiện trường và cùng tham gia đánh nhau, do vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò là đồng phạm với vai trò giúp sức với tình tiết định khung là sử dụng hung khí theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Trần Thanh P, Trần Trung T3 và Châu Minh T4 theo khoản 1 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là không đúng quy định của pháp luật; do đó kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương về áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự và tăng hình phạt đối với các bị cáo Trần Thanh P, Trần Trung T3 và Châu Minh T4 là có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với kháng nghị không cho các bị cáo Võ Hùng S, Võ Hải Đ2, Trần Thanh P, Trần Trung T3 và Châu Minh T4 hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, các bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về án treo; xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, tạo điều kiện cho bị cáo được tự cải tạo, sửa chữa bản thân, làm người có ích cho gia đình và xã hội; đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải, đề cao tính hướng thiện trong xử lý người phạm tội; do đó kháng nghị về việc không cho các bị cáo Võ Hùng S, Võ Hải Đ2 Trần Thanh P, Trần Trung T3 và Châu Minh T4 được hưởng án treo là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo của các bị cáo Thái Bảo T, Tống Duy K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo; Hội đồng xét xử xét thấy: bị cáo T là người rủ rê các bị cáo khác cùng tham gia giải quyết mâu thuẫn, gây mất trật tự nơi công cộng, nên bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn các bị cáo khác; bị cáo K có 01 tiền án chưa được xóa án tích, lần phạm tội này là trường hợp tái phạm; tại cấp phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới; xét mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp, các bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo, nên kháng cáo của các bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét kháng cáo của bị cáo Tiêu Nguyễn Duy T7 kháng cáo xin được hưởng án treo: tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T5 Nguyễn Duy T7 nộp đơn xin giảm nhẹ hình phạt và cung cấp thêm Thẻ Sĩ quan dự bị; Giấy chứng nhận dự bị động viên; các giấy khen; giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng, cập nhật kiến thức lý luận chính trị cho cán bộ Đảng viên cơ sở; Thẻ Đảng viên. Xét thấy, Tiêu Nguyễn Duy T7 là Đảng viên nhưng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ nhân thân, lý lịch của Tiêu Nguyễn Duy T7 để thực hiện đúng các thủ tục trình tự xử lý về mặt Đảng đối với Đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về trình tự, thủ tục, xử lý về mặt Đảng khi Đảng viên có dấu hiệu vi phạm, nên hủy một phần bản án đối với Tiêu Nguyễn Duy T7, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm thực hiện xử lý đúng quy định; do đó không xem xét kháng cáo của Tiêu Nguyễn Duy T7 đối với yêu cầu xin được hưởng án treo.

[7] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa phúc thẩm; Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương về tăng hình phạt đối với các bị cáo P, T3, T4 là có căn cứ chấp nhận; đối với đề nghị không cho các bị cáo Võ Hùng S, Võ Hải Đ2, Trần Thanh P, Trần Trung T3 và Châu Minh T4 được hưởng án treo là không phù hợp nên không được chấp nhận.

[8] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo Thái Bảo T, Tống Duy K không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu; các bị cáo Võ Hùng S, Võ Hải Đ2, Trần Thanh P, Trần Trung T3 và Châu Minh T4, Tiêu Nguyễn Duy T7 không phải nộp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Thái Bảo T, Tống Duy K, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 93/2023/HS-ST ngày 10/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

1.1 Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Thái Bảo T, Tống Duy K phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

1.2 Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Thái Bảo T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Tống Duy K 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương về áp dụng điểm, khoản và tăng hình phạt đối với các bị cáo Trần Thanh P, Trần Trung T3 và Châu Minh T4; không chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương về việc không cho hưởng án treo đối với các bị cáo Võ Hùng S, Võ Hải Đ2, Trần Thanh P, Trần Trung T3 và Châu Minh T4; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 93/2023/HS-ST ngày 10/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương, như sau:

2.1 Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Võ Hùng S, Võ Hải Đ2, Trần Thanh P, Trần Trung T3 và Châu Minh T4 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

2.2 Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt bị cáo Võ Hải Đ2 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 10/4/2023).

Giao bị cáo Võ Hải Đ2 về cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Võ Hùng S 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 10/4/2023).

Giao bị cáo Võ Hùng S về cho Ủy ban nhân dân phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Trần Thanh P 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 10/4/2023).

- Xử phạt bị cáo Trần Trung T3 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 10/4/2023).

Giao các bị cáo Trần Thanh P và Trần Trung T3 về cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

+ Xử phạt bị cáo Châu Minh T4 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 10/4/2023);

Giao bị cáo Châu Minh T4 về cho Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người đang chấp hành thời gian thử thách thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự.

Người được hưởng án treo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, Điều 358 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015,

Hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 93/2023/HS-ST ngày 10/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đối với bị cáo Tiêu Nguyễn Duy T7.

Giao hồ sơ về Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương để điều tra theo thủ tục chung.

4. Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo Thái Bảo T, Tống Duy K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng; các bị cáo Trần Thanh P, Trần Trung T3, Châu Minh T4, Võ Hùng S, Võ Hải Đ2, Tiêu Nguyễn Duy T7 không phải nộp.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT 1);
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương (6);
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo (8),
- Người tham gia tố tụng (1);
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Lộc

Bình Dương;

- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;

- Ủy ban nhân dân phường An Phú, thành phố

Thuận An, tỉnh Bình Dương;

- Ủy ban nhân dân phường D, thành phố D, tỉnh
Bình Dương;

- Ủy ban nhân dân phường Tân Đồng Hiệp, thành
phố D, tỉnh Bình Dương;

- Thanh toán phiên tòa, Nghị quyết 18 (2);

- Lưu VP (2), hồ sơ vụ án, NMT, 32.